

Số: 179/2022/QĐST-HNGĐ

H, ngày 07 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1994
Trú tại: Tổ 49, khu 4, phường H1, thành phố H, tỉnh Q.

2. Bị đơn: Anh Bùi Xuân Đ, sinh năm 1988
Trú tại: Tổ 49, khu 4, phường H1, thành phố H, tỉnh Q.

Căn cứ vào: Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thị Kim T và anh Bùi Xuân Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Kim T và anh Bùi Xuân Đ thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Trần Thị Kim T và anh Bùi Xuân Đ xác nhận có 01 người con chung là: Bùi Bảo N, sinh ngày 30/5/2020. Khi ly hôn, chị T và anh Đ thống nhất thoả thuận: Giao con chung là

cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 30/5/2020 cho chị Trần Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Bảo N cho đến khi cháu Bùi Bảo N thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Bùi Xuân Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Bùi Bảo N 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2022 đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Bùi Xuân Đ có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị Trần Thị Kim T và anh Bùi Xuân Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Kim T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000491 ngày 21/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Q. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Kim T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Bùi Xuân Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Q;*
- *VKSND TP. H;*
- *THADS TP. H;*
- *UBND phường H1;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Hùng